

Bản án số: 88/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 21- 7- 2017

V/v tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Ông Trần Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLST- HNGĐ ngày 24/01/2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXX- ST ngày 24 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Đặng Thị S.** Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Tổ 01 khối phố V, phường Y, thị xã Z, tỉnh Quảng Nam- Có mặt.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T.** Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Tổ 125 phường E, quận F, TP. Đà Nẵng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2017, đơn trình bày bổ sung và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình T xây dựng gia đình vào năm 2003, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, TP. Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại nhà riêng tổ 125, phường E, quận F, TP. Đà Nẵng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc; đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T đã phản bội bà nên đã bỏ nhà ra đi sống với người phụ nữ khác nên bà đã sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay.

Nay bà không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống chung vợ chồng với ông T nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đình T.

- **Về quan hệ con chung:** Bà xác nhận, bà và ông T có 04 người con chung tên là; Nguyễn Thị Tiết N, sinh ngày 30/9/2003; Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh ngày 27/12/2007; Nguyễn Đình Quốc Đ, sinh ngày 16/8/2011 và Nguyễn Thị Tuyết N2, sinh ngày 19/3/2014. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi 04 người con.

Tại phiên tòa bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 04 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T đã được tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông T trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông T vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Đình T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 35; 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của bà Đặng Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Giao các con Nguyễn Thị Tiết N, sinh ngày 30/9/2003; Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh ngày 27/12/2007; Nguyễn Đình Quốc Đ, sinh ngày 16/8/2011 và Nguyễn Thị Tuyết N2, sinh ngày 19/3/2014 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình T phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con Nguyễn Thị Tuyết N2 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị S nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Đình T vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng

của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Đặng Thị S và ông Nguyễn Đình T xây dựng gia đình vào năm 2003; đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông T được một thời gian thì ra làm nhà ở riêng tại tổ 125 phường E, quận F, TP. Đà Nẵng, đến năm 2015 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tháng 8/2016 ông T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà S. Ngày 19/10/2016 Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã ra Quyết định đình chỉ số 131/2016/QĐST- HNGĐ.

Ngày 04/01/2017 bà Đặng Thị S làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Đình T.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị S và ông Nguyễn Đình T tồn tại nhưng không thực S hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau, bà S cho rằng tình cảm vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy và hiện nay ông T có quan hệ với một người phụ nữ khác, còn theo đơn xin ly hôn ngày 05/8/2016 của ông Nguyễn Đình T thì ông T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà S và ông T đã thực S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

Tại phiên tòa, bà S cương quyết xin được ly hôn ông T, còn ông T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy trong quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà S đã phát sinh mâu thuẫn là do ông T đi làm xa, vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, nghi ngờ nhau không chung thủy.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đặng Thị S và ông Nguyễn Đình T thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Đặng Thị S được ly hôn ông Nguyễn Đình T để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] - **Về con chung:** Vợ chồng bà S và ông T có 04 người con chung gồm; Nguyễn Thị Tiết N, sinh ngày 30/9/2003; Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh ngày 27/12/2007;

Nguyễn Đình Quốc Đ, sinh ngày 16/8/2011 và Nguyễn Thị Tuyết N2, sinh ngày 19/3/2014. Ly hôn, bà S có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng 04 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cả 04 cháu hiện còn nhỏ đang ở cùng với mẹ, nên cuộc sống của các cháu đã ổn định gắn bó với mẹ từ trước đến nay, để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc chăm sóc của mẹ đối với các con. Hơn nữa, cháu Nguyễn Thị Tiết N và Nguyễn Thị Tuyết T2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao các cháu Nguyễn Thị Tiết N, Nguyễn Thị Tuyết T2, Nguyễn Đình Quốc Đ và Nguyễn Thị Tuyết N2 cho bà S được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 04 con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà S về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T là phù hợp với khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- **Về tài sản chung:** Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà S xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Đặng Thị S phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Nguyễn Đình T phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị S đối với ông Nguyễn Đình T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao các con Nguyễn Thị Tiết N, sinh ngày 30/9/2003; Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh ngày 27/12/2007; Nguyễn Đình Quốc Đ, sinh ngày 16/8/2011 và Nguyễn Thị Tuyết N2, sinh ngày 19/3/2014 cho bà Đặng Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 04 con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 22/7/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân S cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Đặng Thị S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004252 ngày 23/01/2017 tại Chi cục thi hành án dân S quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Nguyễn Đình T phải chịu.

Các đương S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương S vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân S có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân S; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân S.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA